

## SÁCH CỔ NGƯỜI ĐAO □ NGUỒN SỬ LIỆU QUAN TRỌNG TÌM HIỂU LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI ĐAO

TRẦN HÒU SƠN

TRẦN THOẠI DƯƠNG

Các bộ sử chính thống của nhà nước phong kiến Việt Nam ít đề cập đến người Dao và nhiều tộc người ở miền núi. Nhiều vấn đề trong lịch sử người Dao như quá trình di cư, hòa nhập với cộng đồng các dân tộc Việt Nam... vẫn ẩn mình trong lớp sương mù của thời gian. Trong khi đó, kho tàng di sản sách cổ của người Dao khá phong phú, góp phần quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử tộc người này bởi đó là một tấm gương phản chiếu các sự kiện lịch sử ở miền núi và lịch sử tộc người Dao. Suốt tầm, tìm trong sách cổ, so sánh các sự kiện được phản ánh đối chiếu với các nguồn sử liệu khác sẽ làm rõ thêm thời điểm người Dao đến Việt Nam, cũng như con đường thiên di và các phong trào đấu tranh của họ. Vì vậy, bài viết này xin đề cập đến một số sự kiện lịch sử được phản ánh trong sách cổ người Dao.

Sách cổ là một khái niệm mang tính chất tương đối để chỉ toàn bộ số sách được người Dao viết hoặc sao chép từ các bản gốc (có xuất xứ đầu thế kỷ 20 về trước). Người Dao gọi sách là *sâu* hay *tsâu*, được ghi chép bằng loại chữ viết tượng hình theo kiểu chữ Hán. Tuy nhiên, có nhiều cuốn sách, người Dao đã sáng tạo chữ mới hoàn toàn trên cơ sở mượn từ chữ Hán, hoặc mượn chữ Hán nhưng âm nghĩa của ngôn ngữ Dao.

Sách cổ của người Dao có nhiều loại. Thực hiện Dự án bảo tồn sách cổ người Dao tại cộng đồng do Văn phòng Quỹ Ford tại Hà Nội tài trợ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Lào Cai đã khảo sát ở 466 làng người Dao, phát hiện 10.318 cuốn sách cổ, trong đó nhiều nhất là các sách về tôn giáo, tín ngưỡng với các bộ kinh thư đạo giáo có trên 200 loại khác nhau. Tính riêng trong lễ làm chay, nhóm Dao Tuyển đã có 121 cuốn sách tôn giáo. Phần lễ cúng đạo giáo có 104 cuốn, bao gồm:

- Bộ Kinh thư: 28 cuốn.
- Bộ Huyền bí: 12 cuốn.
- Bộ Huyền khoa: 64 cuốn.

Phần lễ cúng *su giáo* sử dụng thêm 5 cuốn Huyền bí và 12 cuốn Huyền khoa. Trong các loại sách này có một số phần đề cập đến lịch sử người Dao.

Số sách cổ dân ca nghi lễ chủ yếu liên quan đến các bài Hôn lễ ca, Tang ca, đặc biệt là sách về hôn nhân rất phong phú; các nhóm Dao Tuyển, Dao Quần Trắng, Dao Quần Chẹt, Dao Đò đều có nhiều loại sách khác nhau. Riêng ngành Dao Tuyển ở xã Xuân Hòa (huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai) chúng tôi đã sưu tầm được 6 cuốn sách về Hôn lễ ca với hơn 10.000 câu thơ, bài ca. Trong các sách về Hôn lễ ca đều có phần kể

về lịch sử người Dao và quá trình thiên di đến Việt Nam của họ.

Loại thứ ba trong kho tàng sách cổ người Dao là các sách truyện thơ. Khảo sát 3 nhóm Dao (Dao Đỏ, Dao Tuyển và Dao Quần Trắng) trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong các năm 2006, 2007, 2008 đã phát hiện 53 truyện thơ của tộc người này. Trong các truyện thơ, có một số truyện đề cập đến các anh hùng thần thoại, sự tích các vị thần có giá trị lịch sử.

Một thể loại quan trọng và độc đáo trong kho tàng sách cổ người Dao là “Tín ca” tức các bức thư viết theo thể văn vần. Trong đó, loại Tín ca thiên di - những bức thư người Dao đến vùng đất mới gửi về cho người thân ở quê hương, có nhiều giá trị về lịch sử. Các Tín ca này đều kể lại nguyên nhân, quá trình thiên di cũng như các sự kiện nổi bật ở vùng đất người Dao cư trú tại các tỉnh, các huyện của Việt Nam.

Bên cạnh các loại sách cổ với nhiều nội dung trên, trong kho tàng sách cổ người Dao còn phát hiện các bài cúng, các gia phả, và cuốn *Quá Sơn băng văn* hay còn gọi là nhóm *Bình Hoàng khoán điệp* - rất có giá trị của người Dao. Đây là các nguồn sử liệu quan trọng góp phần nghiên cứu lịch sử người Dao. Trong quá trình nghiên cứu, các học giả Trung Quốc và Việt Nam đều coi trọng nguồn sử liệu này.

### **1. Quá trình nghiên cứu về lịch sử người Dao và sách cổ người Dao**

Vấn đề nghiên cứu lịch sử người Dao ở Việt Nam đã được đề cập một cách sơ lược trong một số sách lịch sử, địa chí. Tác phẩm sớm nhất đề cập đến người Dao ở Việt Nam là *Kiến Văn Tiểu lục* (1778) của nhà

bác học Lê Quý Đôn. Lê Quý Đôn viết về 7 chủng tộc Man ở xứ Tuyên Quang: “Bảy chủng tộc người Man: trong ấy có 3 chủng tộc Sơn Trang, Sơn Tử và Cao Lan, mặc áo màu chàm xanh, tay áo rộng, hoặc áo màu trắng để tóc dài, búi tóc nhọn. Ba chủng tộc Sơn Man, Sơn Bán và Sơn Miêu cũng thế, 2 chủng tộc Hán Văn và Bảo Toàn cắt tóc, chít khăn vải hoa, áo xanh, quần ngắn” (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 391). Trong 7 chủng tộc Man, ngoài người Cao Lan, Lê Quý Đôn đã đề cập đến người Dao. Ông cũng viết về tập quán canh tác: “Cày cấy thì đốt nương, đào hố bỏ thóc. Chỗ ở nay đây, mai đó” (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 391). Như vậy, trước năm 1778, người Dao đã có mặt ở Tuyên Quang.

Năm 1778, tiến sĩ Hoàng Bình Chính viết tác phẩm *Hưng hoá xứ - Phong thổ lục* có giới thiệu về người Mán (Dao) ở châu Thủy Vĩ (tỉnh Lào Cai ngày nay). Năm 1858, Phạm Thận Duật viết cuốn *Hưng hoá ký lược* có dành hẳn một chương viết về phong tục tập quán các tộc người ở Hưng Hoá, trong đó có người Dao (Phạm Thận Duật, 2000, tr. 183-188). Trong chính sử phong kiến Việt Nam thì đến đời vua Tự Đức, bộ sử của Quốc sử quán triều Nguyễn *Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục* ở quyển 41 năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752) có một đoạn chép về người Dao - Đại tiểu bản dân tộc.

Như vậy, nguồn sử liệu của nhà nước phong kiến Việt Nam rất ít đề cập đến người Dao. Nhưng qua ghi chép của Lê Quý Đôn, Hoàng Bình Chính có thể nhận thấy người Dao đến Việt Nam từ trước năm 1778.

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, người Dao cũng như nhiều dân tộc người

anh em ở vùng thượng du Bắc Kỳ liên tiếp nổi dậy chống thực dân Pháp. Vì vậy, đi theo các đội quân bình định là các nhà dân tộc học, các sĩ quan Pháp đến vùng người Dao nghiên cứu lịch sử tộc người, phục vụ cho chính sách cai trị thực dân. Trong số các tác giả nghiên cứu về người Dao có A. Bonifacy – vừa là sĩ quan, vừa là nhà nghiên cứu dân tộc học. Ông am hiểu chữ Nôm Dao, lại nhiều năm sống ở vùng người Dao nên có điều kiện nghiên cứu lịch sử người Dao qua sách cổ và gia phả. Ông đã công bố các công trình nghiên cứu về các nhóm người Dao: *Mán quần cốc* (1904 – 1905); *Mán Quần Trắng* (1905); *Mán Chàm* (1906); *Mán Tiểu Bản* (1907); *Mán Đại Bản Cốc au sùng* (1908)... Trong các công trình nghiên cứu của mình, ông sử dụng nhiều tư liệu ở các cuốn sách cổ của người Dao, nghiên cứu thần thoại, huyền thoại của người Dao... Đáng chú ý là trong cuốn *Mán Đại Bản Cốc au sùng*. Ông đã nghiên cứu phả hệ gia đình khán động Dương Ba Viên. Từ đó ông ta đưa ra nhận xét rằng người Mán Đại Bản đã vào Việt Nam từ năm 1720. Đây là vấn đề lý thú trong việc tìm hiểu lịch sử người Dao. Song rất tiếc tác giả không đi sâu phân tích về thời điểm di cư, nguyên nhân và các sự kiện lịch sử liên quan đến di cư của nhóm Dao này.

Năm 1951, trong tập *Ghi chép lịch sử các xứ vùng cao Tây Bắc Việt Nam*, E. Douard Chabant nhận định: người Dao vào vùng Tây Bắc Việt Nam 3 lần (thời Tống, thời Minh, thời nhà Thanh) nhưng rất tiếc không thấy tác giả sử dụng các nguồn sử liệu nào để chứng minh.

Từ năm 1955 đến nay, các nhà dân tộc học, sử học Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử di cư của người Dao đến Việt Nam. Nhưng về thời gian người Dao đến Việt Nam, con đường di cư của họ còn nhiều ý kiến khác nhau.

Năm 1957, đặc san Dân tộc của Ủy ban Dân tộc số 11 đăng bài khảo cứu người Dao Quần Trắng ở Tuyên Quang có mặt tại Việt Nam từ thời nhà Tống - Trung Quốc, nhà Lý - Việt Nam. Quan điểm này được nhà sử học uy tín Trần Quốc Vượng chứng minh qua việc nghiên cứu các bản Bình Hoàng khoán điệp của người Dao (Trần Quốc Vượng, 1963). Nhà sử học Trần Quốc Vượng còn dựa vào Tống sử để chứng minh người Dao đến Việt Nam sớm nhất là thời nhà Tống của Trung Quốc và thời nhà Lý của Việt Nam (Trần Quốc Vượng, 1967). Năm 1971, tác phẩm chuyên khảo đầu tiên viết về người Dao là *Người Dao ở Việt Nam* của Bé Viêt Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến cũng nhận định rằng người Dao đến Việt Nam sớm nhất vào thế kỷ 13, sau đó chia làm nhiều đợt kéo dài đến đầu thế kỷ 20. Các tác giả cũng đưa ra luận điểm về con đường thiên di của từng nhóm Dao nhưng rất tiếc là không chứng minh bằng luận cứ cụ thể.

Năm 1973, Hà Văn Viễn và Hà Văn Phụng công bố công trình nghiên cứu *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*. Trong công trình này, khi nghiên cứu người Dao, các tác giả đều dựa vào sách cổ *Bình Hoàng khoán điệp*, *Quá hải đồ*, sách cúng, gia phả để đưa ra nhận xét rằng người Dao đến Việt Nam từ thời nhà Minh, nhà Thanh. Thời gian di cư

đến Tuyên Quang của các nhóm Dao cũng khác nhau nhưng sớm nhất mới hơn 200 năm và muộn nhất là khoảng 60, 70 năm nay. Các tác phẩm sau này viết về lịch sử người Dao di cư đều dựa vào hai công trình *Người Dao ở Việt Nam* và *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*. Như vậy, các nhà khoa học Việt Nam đều cho rằng lịch sử di cư của người Dao đến Việt Nam bắt đầu từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20. Con đường di cư của mỗi nhóm Dao cũng có sự khác nhau về luận điểm này, các tác giả ít có luận cứ chứng minh. Mặt khác, người Dao sang Việt Nam sinh sống ra sao, chịu sự tác động của các sự kiện lịch sử như thế nào cũng chưa được đề cập tới. Ngoài vấn đề người Dao cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam tham gia chống thực dân Pháp, còn hầu hết các sự kiện khác đều chưa được các tác giả nghiên cứu. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế này là do thiếu nguồn sử liệu.

Trong vấn đề lịch sử di cư người Dao đến Việt Nam, các nhà sử học, dân tộc học Trung Quốc đã đề cập ở một số công trình nghiên cứu như *Bình hoàng điệp tập biên* của Hoàng Ngọc (1990), *Lược sử dân tộc Dao* của Hoàng Ngọc, Hoàng Phương Bình (1993), *Luận văn về văn hóa dân tộc Dao* của Trần Bân (1993)... Các tác giả này cho rằng người Dao di cư vào Việt Nam sớm nhất là đầu thế kỷ 15. Tại Hội thảo *Dao học Quốc tế*, tổ chức tại thành phố Thái Nguyên năm 1995, Chủ tịch Hội Dao học Trung Quốc - Trương Hữu Tuấn trình bày tham luận *Máy vấn đề người Dao di cư vào Việt Nam*, có nhận định rằng người Dao di cư đến Việt Nam sớm nhất vào đầu hoặc giữa thế

kỷ 14. Tác giả cũng chỉ ra nguyên nhân di cư của người Dao vào Việt Nam và các con đường thiên di của họ. Năm 2001, công trình *Văn hóa sử tộc Dao* của Từ Tổ Tường được xuất bản cũng cho rằng người Dao đến Vân Nam, Việt Nam chủ yếu từ thời nhà Minh, nhà Thanh. Trong quyển Thượng của bộ “*Thông sử tộc Dao*” do Phạm Hằng Cao chủ biên (2007) cũng cho rằng người Dao đến Việt Nam từ thời nhà Minh. Như vậy, hầu hết các học giả nghiên cứu lịch sử người Dao ở Trung Quốc đều cho rằng người Dao đến Việt Nam sớm nhất từ thế kỷ 14 hoặc 15 trong thời nhà Minh. Khi người Dao mới đến Việt Nam, cuộc sống của họ như thế nào đều không được các học giả Trung Quốc đề cập. Đây là khoảng trống trong nghiên cứu lịch sử người Dao.

## 2. Một số vấn đề lịch sử được phát hiện trong sách cổ người Dao

Như đã đề cập, thực hiện Đề án *Sưu tầm, bảo tồn sách cổ người Dao* do quỹ Ford tài trợ, trong những năm gần đây, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lào Cai đã tiến hành khảo sát, kiểm kê phân loại sách cổ ở 466 làng người Dao, sưu tầm được 700 cuốn sách cổ ở các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Yên Bái, Tuyên Quang. Trong số sách cổ đó, không ít tác phẩm có giá trị lịch sử, bổ sung nguồn sử liệu quan trọng vào việc nghiên cứu một số vấn đề lịch sử tộc người Dao.

### 2.1. Về thời gian, nguyên nhân và con đường di cư

Người Dao có mặt tại Việt Nam từ bao giờ? Như trên đã trình bày, các học giả nghiên cứu Dao học Trung Quốc đều cho

rằng người Dao đến Việt Nam sớm nhất là thế kỷ 14 (Trương Hữu Tuấn, 1995) còn hầu hết các học giả đều có quan điểm người Dao đến Việt Nam từ thế kỷ 15 (Hoàng Ngọc, Hoàng Phương Bình, 1993; Trần Bản, 1993; Từ Tổ Tường, 2001; Phạm Hằng Cao, 2007...). Nghiên cứu ở Việt Nam, một số tác giả cho rằng người Dao đến Việt Nam sớm nhất là thế kỷ 13 (Bonifacy, 1908; Bế Viết Đăng và cộng sự, 1971). Nhưng rất tiếc các tác giả này chưa công bố các tài liệu chứng minh cụ thể hoặc giả thiết của mình. Trần Quốc Vượng bằng tài liệu lịch sử Trung Quốc (Tống Sử - quyển 33) và cuốn sách cổ *Quá Sơn bản văn* của cụ Phùng Văn Phẫu cho rằng người Dao đến Việt Nam từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 13 và cả sau này.

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai sưu tầm được cuốn *Kía sên phóng vắn Pèng Hùng sinh tịp (Quá Sơn bản văn hay Bình Hoàng khoán điệp)* của ông Phùng Xuân Thị ở Khe Cam, xã Ngòi A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (nhóm Dao Đại Bản). Cuốn sách có ghi rõ ngày cấp *Bảng vắn* là ngày 1 tháng 11 năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Định. Cảnh Định là niên hiệu duy nhất của nhà vua Nam Tống là Tống Lý Tông. Niên hiệu Cảnh Định có thời gian từ năm 1260 đến 1264. Như vậy, cuốn *Bảng vắn* này có thể được cấp vào năm 1260. Đây là một tài liệu chứng minh cho sự xuất hiện của người Dao ở Việt Nam từ thế kỷ 13.

Đồng thời trong *An Nam chí lược* của Lê Tắc ở quyển 1, mục “Biên cảnh phục dịch” có ghi “Liêu Tử là một tên khác của giống Man Di, phần đông thuộc về các tỉnh

Hồ Nam, Lương Quảng, Vân Nam nhưng có một số phục tùng nước Giao Chỉ” (Lê Tắc, 2002, tr. 73). Tác giả Từ Tổ Tường – Nhà nghiên cứu người Dao nổi tiếng ở Vân Nam Trung Quốc cho biết, trong *Man Thư* quyển 10 của Phan Xước đời Đường có ghi “Hàm Thông năm thứ ba, có một bộ phận *Miêu quân* tự xưng là *Tổ nữ Bàn Hồ chi hậu* xuất hiện trên chiến trường An Nam đô hộ phủ” (Từ Tổ Tường, 2001, tr. 25). Các tư liệu này mới được phát hiện bổ sung cho giả thuyết người Dao có mặt ở Việt Nam từ thế kỷ 13 của nhà sử học Trần Quốc Vượng và các tác giả Việt Nam. Tuy nhiên, tư liệu trên cần được kiểm chứng và bổ sung thêm nhiều nguồn sử liệu khác nhau.

Tim hiểu thời gian người Dao đến Việt Nam cần nghiên cứu gia phả của họ. Gia phả của người Dao có nhiều tên gọi khác nhau. Loại ghi danh tính các vị tổ tiên dành cho con cháu đọc khi cúng gọi là *Chà Phìn Sâu*, còn loại viết tương đối chi tiết cả phần mộ tổ tiên ở đâu tiếng Dao gọi là *Trụ chóng sâu* tức Tổ tông thư. Nhưng rất tiếc, việc tính thời gian theo chu kỳ một đời người không chính xác, có tác giả tính một đời là 60 năm, nhưng cũng có tác giả tính một đời trong gia phả là 30 năm. Người Dao ở Việt Nam kết hôn sớm nên trong gia phả của họ, một đời người tính 20 năm là hợp lý. Chúng tôi có thống kê 17 gia phả của các tác giả Hà Văn Viễn - Hà Văn Phụng (1971), Đỗ Quang Tụ - Nguyễn Liên (2005) đã công bố và tư liệu điền dã của bản thân. Theo kết quả thống kê này thời gian người Dao di cư đến Việt Nam chủ yếu từ thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20 (chỉ có một dòng họ ông Bàn Hữu Quan di cư từ thế kỷ 17) (xem Bảng 1).

Bảng 1: Bảng thống kê một số gia phả của người Dao

Stt	Họ và tên chủ gia phả	Nhóm Dao	Địa chỉ cư trú khi sưu tầm	Năm sưu tầm	Số đời ở Việt Nam	Thời gian
1	Dương Văn Tình	Đại Bản	Xã Sơn Thiện, huyện Lương Sơn, tỉnh Tuyên Quang	1970	12	1730
2	Phùng Văn Phần	Quần Chẹt	Xã Kháng Nhật, Sơn Dương, Tuyên Quang	1970	11	1750
3	Bàn Văn Liên	Coóc Mùn	Xã Trung Yên, Yên Sơn, Tuyên Quang	1970	12	1730
4	Phùng Trường Thọ	Đại Bản	Xã Thổ Bình, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	1970	7	1830
5	Chúc Phùng Chòi	Đại Bản	Xã Côn Lôn, Na Hang, Tuyên Quang	1970	6	1850
6	Triệu Hồng Thắng	Quần Chẹt	Xã Kháng Nhật, Sơn Dương, Tuyên Quang	1973	11	1753
7	Phùng Kim An	Quần Chẹt	Xã Kháng Nhật, Sơn Dương, Tuyên Quang	1973	9	1793
8	Đặng Kim Chiu	Dao Đỏ	Thôn Đoàn Kết, xã Hồ Thầu, Hoàng Su Phì, Hà Giang	1998	9	1818
9	Phùng Xuân Tấn	Dao Đỏ	Thôn Nậm Hầm, xã Nậm Xây, Văn Bàn, Lào Cai	2004	9	1824
10	Bàn tiến Hiển	Dao Đỏ	Thôn Giáp Luồng, xã Khai Trung, Lục Yên, Yên Bái	1956	7	1816
11	Bàn Hữu Quan	Dao Đỏ	Thôn Hàm Rồng, xã An Lạc, Lục Yên, Yên Bái	2004	20	1604
12	Triệu Hữu Thắng	Dao Đỏ	Thôn Tá Năng, xã Nậm Xé, Văn Bàn, Lào Cai	2004	10	1804
13	Phàn Chàn Seng	Dao Đỏ	Tả Phìn, huyện Sa Pa, Lào Cai	2000	9	1820
14	Vạn Hiền Phảnh	Dao Tuyển	Thôn Cốc Lầu, xã Cốc Lầu, Bắc Hà, Lào Cai	2007	6	1887
15	Chảo Phù Chin	Dao Đỏ	Xã Bản Khoang, Sa Pa, Lào Cai	2007	5	1907
16	Lý A Hạng	Dao Tuyển	Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, Lào Cai	2007	5	1907
17	Triệu Văn Dồi	Dao Đỏ	Xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, Lào Cai	2008	4	1928

Trong các sách cổ sưu tầm ở các tỉnh Lào Cai, Yên Bái có nhiều *Tín ca thiên di*, tức các bức thư được viết bằng thơ kể về lịch sử di cư của người Dao. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai đã sưu tầm được 8 bản *Tín ca thiên di* rất có giá trị nghiên cứu tìm hiểu về lịch sử di cư của người Dao. Thống kê các bản tín ca này cho thấy, có tới 6 bản phản ánh thời gian người Dao vào Việt Nam cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Trong đó có 1 bản *Tín ca* sưu tầm ở Làng Đen, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai ghi rõ năm người Dao đến Việt Nam:

“*Năm Giáp Thân triều Minh kết thúc  
Người Dao ly tán khắp nơi  
Một đường là núi Nam Bộ Quý Châu  
Đường thứ hai là đất Giao Chỉ Việt Nam*”.

Bản *Tín ca* này còn ghi rõ thời gian người Dao thiên di đến Vân Nam và từ các châu ở Vân Nam di cư tiếp đến Hà Khẩu và địa bàn khác trong tỉnh Lào Cai.

“*Đến Vân Nam phân làm hai đường  
Một đường là phủ Giám Yên sông Hồng  
Sinh sống theo hướng châu Mông Tự  
Một đường khi mở đất Văn Sơn...  
Ở Mông Tự, Giám Yên được 50 năm*

*Năm Nhâm Thân, Quý Dậu (1812 – 1813)  
cùng nhau đi*

*Chạy vào trong rừng sâu  
Xin nơi ruộng đất bằng làm ruộng mới  
Cho đến năm Tân Dậu (1871) Triều Thanh  
Đến Hà Khẩu, đến Quỳnh Sơn*”.

Một số sách cổ khác như truyện *Đặng Thị Hành* (của người Dao Quần Chẹt ở thôn Đông Máy, xã Việt Cường, huyện

Trần Yên, tỉnh Yên Bái), *Bốn Cú Cầu* (của người Dao Quần Trắng ở thôn Khe Mụ, xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai), *Diễn Mao nhặng Nin* (Dao Đỏ, xã Quảng Minh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái), *Trà Sơn Cú* (người Dao Tuyển ở xã Tam Đường, tỉnh Lai Châu)... đều cho rằng người Dao đến Việt Nam từ thời vua Lê, tức Lê Hoàng (thế kỷ 16, 17, 18 và thế kỷ 19).

Ngoài cuốn *Quá Sơn bảng văn* có niên hiệu Cảnh Định (1260 – 1264), còn hầu hết sách cổ, gia phả ghi thời gian người Dao vào Việt Nam chủ yếu từ thế kỷ 16 đến 18. Thời gian này cũng phù hợp với thời gian Lê Quý Đôn viết về người Dao trong sách *Kiến Văn Tiểu lục*. Một số *Tín ca thiên di* như *Tín ca thiên di* của người Dao Tuyển ở làng Đen, thành phố Lào Cai, *Tín ca thiên di* cũng của người Dao Tuyển ở Tam Đường, tỉnh Lai Châu cho rằng nhóm Dao này vào Việt Nam cuối thế kỷ 19.

Như vậy, người Dao di cư vào Việt Nam phản ánh qua sách cổ được tập trung vào các thời điểm cụ thể như sau:

- Thời gian người Dao đến Việt Nam sớm nhất là vào năm Cảnh Định nhà Nam Tống (1260 – 1264) (sách *Quá Sơn bảng văn* hay *Bình Hoàng khoán điệp*).

- Người Dao di cư vào Việt Nam rải rác từ cuối thời nhà Minh đến cuối thế kỷ 19, thậm chí đầu thế kỷ 20 vẫn còn người Dao từ Vân Nam đến các tỉnh Lào Cai, Lai Châu.

Nguyên nhân di cư chủ yếu của người Dao là do sự đàn áp các phong trào khởi nghĩa người Dao của các triều đình phong kiến Trung Quốc. Sách *Tín ca thiên di* phát hiện ở làng Đen, thành phố Lào Cai có ghi:

“*Triều Minh điều binh 16 vạn*

*Phân binh 4 đường, 12 nhánh*

*Đánh qua 26 ngày*

*Không rút động binh, tự rút binh...*

*Giết người, đốt nhà không để gì lại*

*Khấp trời, rọp đất đầy lửa khói*

*Quan phủ ra lệnh giết người Dao...*

*Giết chết người Dao hơn 5 vạn*

*Từ đây người Dao ly tán tứ phương...”.*

Nguyên nhân thứ hai là do Trung Quốc hạn hán, đất chật người đông lại thấy Việt Nam đất tốt, dễ làm ăn. Sách *Diệu Thảo sinh chà lầy* (Sách hôn lễ) của người Dao Đỏ ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa ghi rõ:

*“Nhân vì người đông đất lại hẹp*

*Cùng nhau phân tán khắp núi sông*

*Phân lên Quảng Tây, ở Hồ Quảng*

*Phân đến Quý Châu để an cư*

*Một phần về phía đạo Vân Nam*

*Lại một phần đến Giao Chi”.*

Con đường thiên di của người Dao đến Lào Cai nói riêng và đến Việt Nam nói chung có nhiều đường nhưng chủ yếu là vượt biển vào các cửa sông và đi đường bộ. Đường thủy từ đảo Hải Nam đến Quảng Đông vào cửa sông ở Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh, sau đó ngược sông đến thượng nguồn sông Hồng, sông Chảy, sông Lô. Đi đường bộ từ phủ Quy Hóa châu Vân Sơn xuống Hà Giang, Lào Cai hoặc từ Mông Tự về Hà Khẩu xuôi sông Hồng. Mỗi nhóm Dao có con đường di cư khác nhau. Nhóm Dao Đỏ chủ yếu di cư theo đường bộ xuôi sông Hồng. Dòng họ của cụ Phàn Chấn Seng ở Tả Phìn, Sa Pa từ Quảng Tây di cư đến phủ Khai Hóa, châu Vân Sơn, rồi đi Kiến Thủy theo sông Hồng vào xã A Lù huyện Bát Xát

và đến thôn Má Tra, xã Sa Pa (huyện Sa Pa) nay định cư ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa.

Tuy nhiên, theo sách *Diễn Mao nhặng Nin* của dòng họ Đặng, người Dao Đỏ đi đường thủy lên Văn Bàn. Tổ tiên ông Đặng Quý Hội từ Quảng Đông đi thuyền đến các huyện Hoàn Bô, Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh), rồi ngược các sông đến sông Hồng lên Văn Bàn (tỉnh Lào Cai). Người Dao Quần Trắng có dòng họ ở vùng ven sông Hồng (các huyện Bảo Thắng, Văn Bàn thuộc tỉnh Lào Cai) lại từ phủ Khai Hóa vào Lào Cai xuôi theo sông Hồng xuống Yên Bái ngược lên sông Chảy để đến các nơi ở hiện nay. Trong cuốn *Tín ca thiên di* của chủ sách Triệu Tiến Tham ở xã Tân Đông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã dựng lại bức tranh thiên di của một bộ phận người Dao Quần Trắng từ thế kỷ 18 vào Đông Bắc Việt Nam như sau: họ đi theo đường sông, ngược sông Lô lên Tuyên Quang, sau ngược sông Gâm đến Chiêm Hóa, rồi đi vào phủ Thông Hóa (vùng Chợ Đồn, Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn hiện nay). Từ Phủ Thông Hóa họ lại di cư đến Cao Bằng, năm Tân Hợi (1731) vào đất Văn Lan thuộc Lạng Sơn (các huyện Văn Lãng, Văn Quán tỉnh Lạng Sơn hiện nay). Đến năm Kỷ Hợi (1779), nhóm Dao này lại từ Văn Lan chuyển về huyện Cẩm Hóa (nay là các huyện Ngân Sơn, Na Rì, tỉnh Bắc Cạn).

Nhóm Dao Tuyên đến Lào Cai và Việt Nam bằng đường bộ là chính. Cụ thể, *Tín ca thiên di* của người Dao ở Tam Đường kể rằng họ từ vùng Mông Tự đến Kim Bình, rồi vào Phong Thổ, Lai Châu, Việt Nam và sống định cư ở Tam Đường tỉnh Lai Châu. Trong cuốn *Tín ca thiên di* của người Dao Tuyên phát hiện ở làng Đen, xã Đồng Tuyên, thành phố Lào Cai còn ghi rất rõ từng chặng thiên di của bộ phận Dao Tuyên

này từ Lương Quảng đến Lào Cai: năm Giáp Thân triều Minh kết thúc (năm 1644), người Dao Tuyển ở Quảng Tây di cư đi Vân Nam; họ định cư ở Giám Yên, Mông Tự đến năm Nhâm Thân, Quý Dậu (1812 – 1813) lại đi tiếp vào rừng sâu phương nam; mãi đến năm Tân Dậu triều Thanh (1871), người Dao Tuyển mới tới Hà Khẩu, Quỳnh Sơn và sau đó vào Lào Cai, Việt Nam.

Qua truyện *Tăng Sĩ Hềng* (Đặng Thị Hành) của chủ sách Triệu Tài Thông ở thôn Đồng Máy, xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái cho thấy, mốc thiên di của người Dao Quần Chẹt đến Việt Nam rất gian nan. Họ từ Quảng Đông vượt biển vào vùng Quảng Ninh. Vượt qua bao hoạn nạn trên biển mới đến Quảng Ninh và được chính quyền phong kiến Việt Nam cho phép họ đến ngã ba Bạch Hạc bỏ thuyền đi bộ lên Đại Từ, Thái Nguyên lập quê mới:

*“Tháng hai ngày 12 lập bến nước  
Lên tới Ba Hạc để thuyền lại  
Bỏ hết đại thuyền theo đường bộ  
Lên đến Tế Sơn thành Đại thôn  
Đúng tháng hai âm ngày 16  
Dừng lại Tế Sơn để lập làng”.*

Như vậy, các sách cổ người Dao đã dựng lại con đường thiên di phức tạp của nhóm Dao. Có tốp người Dao đến Việt Nam bằng đường bộ nhưng cũng có nhóm vừa đi đường bộ, vừa đi đường thủy. Trong đó, có đề cập đến nhóm Dao Quần Chẹt đi đường biển, rồi đường sông và đi bộ từ Bạch Hạc lên Đại Từ Thái Nguyên. Nhìn chung, các nhóm Dao dù đến Việt Nam bằng đường biển hay đường bộ nhưng khi đi sâu vào các châu phủ miền núi, họ thường đi theo sông suối. Dòng bào ngược sông (xuôi sông) tỏa

về các con suối, lập làng ở ven suối. Đặc điểm này trở thành tập quán cư trú của đa số nhóm Dao. Vì vậy, địa danh “Khe” trở thành khá phổ biến ở các làng người Dao. Huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai có 65 làng người Dao thì có 21 làng mang tên là khe, suối hoặc cửa suối. Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai có 105 làng người Dao thì có tới 40 làng mang dấu ấn của khe, suối.

Tóm lại, người Dao di cư đến Việt Nam kéo dài suốt từ đời nhà Lý đến đầu thế kỷ 20. Có nhiều đợt thiên di khác nhau ứng với thời gian khác nhau. Con đường thiên di chủ yếu theo 2 hướng từ Quảng Đông, Quảng Tây đến Đông Bắc (Quảng Ninh – Móng Cái) hoặc từ Vân Nam sang các tỉnh giáp biên giới của Việt Nam. Đường thiên di có thể là đường thủy (vượt biển, vượt sông) hoặc đi bằng đường bộ, nhưng có nhiều đợt người Dao kết hợp đi cả đường bộ và đường thủy.

## **2.2. Phân ánh các sự kiện lịch sử quan trọng của Trung Quốc và Việt Nam**

### **2.2.1. Phân ánh phong trào khởi nghĩa của người Dao chống ách cai trị của phong kiến Trung Quốc**

Suốt hàng nghìn năm lịch sử hình thành, người Dao luôn kiên cường nổi dậy chống ách cai trị của phong kiến Trung Quốc. Trong đó, nổi bật là các cuộc khởi nghĩa Mai Sơn thời vua Tống Thái Tổ và khởi nghĩa Đại Đàng thời nhà Minh. Nhưng cuộc khởi nghĩa Mai Sơn chỉ được đề cập rất sơ lược trong các sách nghiên cứu về lịch sử người Dao ở Trung Quốc. Một số tác phẩm lịch sử về dân tộc Dao như *Lược sử Dao tộc* của Hoàng Ngọc và Hoàng Phương Bình (1993), *Văn hóa sử tộc Dao* của Từ Tô Tường (2001) đều không đề cập đến cuộc khởi nghĩa Mai Sơn. Trong Hội thảo quốc tế

*Nghiên cứu Dao học* (1992), Tạ Kiệm có đề cập đến ảnh hưởng của Mai Sơn thời nhà Tống đối với người Dao (nhất là trong các bài ca cổ). Tuy nhiên, Từ Tổ Tường chỉ nêu lên các địa danh, còn các sự kiện lịch sử thì không cụ thể, không nêu bật được diễn biến của cuộc khởi nghĩa. Năm 2007, tác phẩm lịch sử người Dao mới nhất xuất bản của tác giả Phụng Hằng Cao (chủ biên) có ghi chép sơ lược về sự kiện khởi nghĩa Mai Sơn: "... Năm thứ 8, Khai bảo Tống Thái Tổ (năm 975), Dao Mai Sơn dùng quân cướp Đàm, Thiệu châu". Tác giả có trích một đoạn trong *Tống sử - Bản kỷ* và ghi: "Man ở Mai Sơn làm loạn, đánh quân ở Đàm Châu, thiết lập 5 trại để khống chế". Trong bài nghiên cứu về sự kiện Mai Sơn, Tạ Kiệm có trích dẫn nhiều nguồn sử liệu nhưng cũng chỉ dừng lại ở việc xác định địa danh Mai Sơn, hoặc trích trong sách cổ *Hồ Nam Thông chí* quyển 2 của Thanh Tăng Quyết về diễn biến sơ lược sự kiện Mai Sơn: "Năm thứ 8, Khai Bảo Thái Tổ (đời Tống) (975) có giặc cướp nổi lên ở Thiệu Nhi Châu. Người ta đã cung tấu lên Quan Lý xin cho đội quân hùng mạnh để tiêu diệt Thiệu Châu vào tháng 3, cắt đứt mọi con đường của bọn Man Mai Sơn. Bọn Man đã bại trận" (Tạ Kiệm, 1992, tr. 23-28). Như vậy, cuộc khởi nghĩa Mai Sơn cũng đã được các nhà nghiên cứu Dao học Trung Quốc chú ý nhưng do tư liệu quá ít ỏi nên khó có điều kiện phân tích nguyên nhân cuộc khởi nghĩa này của người Dao.

Trong *Tín ca thiên di* của người Dao Tuyển sưu tầm ở làng Đen, xã Đồng Tuyển, tỉnh Lào Cai, lại miêu tả cuộc khởi nghĩa trên của người Dao khá chi tiết:

"*Năm Ất Hợi vua Tống thứ nhất (975)*  
*Người Dao ở Mai Sơn tập trung binh lớn*

*Đánh phá Vũ Động, Trường Sa*

*Tiêu diệt binh 100 vạn*

*Giết chết bọn triều quan*

*Thừa thắng tiến vào Quảng Đông*

*Làm kinh động Liên Sơn cùng đất phía Nam*

*Từ đây thông suốt đường ai đến đường ven núi".*

Đặc biệt, trong sách cổ *Tín ca thiên di* của người Dao Tuyển làng Đen còn đề cao chiến công, đề cao cuộc khởi nghĩa không chỉ đánh tan quân triều đình Tống (dù có nêu con số thiệt hại của quân Tống quá lớn) mà còn buộc nhà Tống phải thay đổi chính sách cai trị:

"... *Đánh cho vua Tống ngồi không yên*

*Ép bắt vương triều phải hạ lệnh*

*Phải bán gạo cấp cho dân*

*Sớm thu lại ruộng trả cho dân trồng cấy*

*Lại làm cho yên dân, lấy người già đứng đầu*

*Dùng người Man trị người Man làm an lòng mọi người".*

Trong sách cổ *Tín ca thiên di* của người Dao Tuyển ở đây cũng kể lại các cuộc khởi nghĩa quật cường của người Dao chống ách nô dịch của quân Nguyên (năm Tân Mùi - 1271) và một số cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhà Minh. Đặc biệt, sách cổ dành nhiều đoạn mô tả khá chi tiết cuộc khởi nghĩa Đại Đảng chống quân Minh của người Dao:

"... *Đánh xuống dẹp yên các huyện*

*Đốt hết các thành, đánh tan lính binh*

*Cùng nhau thề giữ lấy giang sơn*

*Bảo vệ Vạn Sơn về phương ta*

*Chiếm cả trước đường Lĩnh Sơn*

*Thống soái 6 huyện lập ra nơi chiến địa...”.*

Có thể nói rằng, sách cổ người Dao đã ghi lại các trang sử hào hùng của tộc người này chống lại phong kiến Trung Quốc. Sách cổ người Dao không chỉ tô đậm thêm chiến công mà còn xóa tan lớp hỏa mù do sử gia phong kiến tung ra nhằm che dấu thất bại và tội ác của bọn thống trị.

*2.2.2. Sách cổ người Dao phản ánh chiến công của nhà Tây Sơn đánh bại quân Thanh xâm lược*

Âm hưởng chiến công của nhà Tây Sơn chống quân Thanh xâm lược được ghi chép nhiều trong các bộ sử Việt Nam và Trung Quốc. Đáng chú ý là những chiến công này còn vượt qua chặng đường dài để đến với người Dao ở vùng núi Việt Nam và được đồng bào cảm phục ghi nhận. Bản *Tín ca thiên di* của người Dao Quần Trắng do chủ sách Triệu Tiên Tham xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái là một tài liệu quý có giá trị dựng lại bức tranh lịch sử thế kỷ 18 ở miền núi Bắc Bộ.

Vào đầu thập kỷ 80 của thế kỷ 18, người Dao Quần Trắng cư trú ở phủ Thông Hóa (trung ương với tỉnh Bắc Cạn hiện nay). Đời sống người Dao rất cơ cực, đồng bào luôn bị quan lại cướp bóc:

*“Bọn thổ quan làm giặc cướp*

*Đêm đêm phá phách*

*Người người sợ hãi vào rừng sâu”.*

Quá hoảng sợ, mọi người chạy về biên giới Lạng Sơn, tìm đường vượt cửa khẩu về đất “Thiên Triều”. Nhưng quan lại Trung Quốc gác cửa ải đòi hối lộ, tống giam:

*“Người về đến đất Thiên Triều*

*Giáp giới quan gác đầu đường*

*Quan lại đòi lấy vàng tiền*

*Quan lấy vàng mỗi người 5 lạng*

*Nếu không có tiền nộp không được thả*

*Không có vàng nộp sẽ bị giết”.*

Đời sống đang cùng cực, người Dao Quần Trắng phải lần hồi có nộp một phần tiền hồng thoát thân, chạy về huyện Cẩm Hóa, Việt Nam (các huyện Ngân Sơn, Na Rì, tỉnh Bắc Cạn hiện nay). Bỗng các sự kiện lịch sử ập đến, chúa Trịnh bị quân Tây Sơn giết chết, vua Lê cũng qua đời. Người Dao nhìn những sự kiện này với niềm vui mừng:

*“Lại đến Bình Ngô (1786) năm ấy*

*Xe quan lão Triệu (chúa Trịnh?) thấy thân mình bị mất*

*Chúa của quan là Lê Hoàng (vua Lê) cũng qua đời*

*Bốn phía huy hoàng ánh mặt trời”.*

Tin thư của người Dao còn miêu tả cuộc tiến quân thần tốc của quân Tây Sơn và chiến công tiêu diệt quân Thanh:

*“Đông Nam, Tây Bắc rầm rầm vào*

*Tiến đến Kinh thành trước kiệu nhà vua*

*Vạn mã, ngàn quân đi như nước chảy*

*Người ngoài nhìn thấy thất kinh hồn*

*... Tây Sơn chạy đến chặt cầu*

*Cầu lớn cả hai đầu đứt gãy*

*Ngàn quân chìm xuống nước chết đuối*

*Mười vạn quân chết đến 8 vạn*

*Chỉ còn 2 vạn chạy về nước Thanh”.*

Quét sạch quân thù, đất nước thanh bình, cuộc sống người Dao ở núi cao cũng được sống yên ổn làm ăn:

“*Quang Trung ngồi trong kiệu định ra năm tháng*”

*Cửa châu khắp nơi được bình an”.*

Như vậy, âm hưởng chiến thắng giặc ngoại xâm của vua Quang Trung còn vang vọng mãi trong rừng thẳm núi cao phía Bắc. Người Dao Quần Trắng dù mới di cư đến huyện Cẩm Hóa cũng nhận thấy tự hào trước chiến công chung. Từ đó, ý thức dân tộc cũng thấm nhuần trong các bản làng người Dao. Vào hoàn cảnh ở vùng núi xa xôi của thế kỷ 18 thông qua bản *Tín ca*, chúng ta càng nhận rõ tinh thần yêu nước của người Dao.

Ngoài việc phản ánh các sự kiện lịch sử quan trọng của thế kỷ 18, 19, các sách cổ người Dao cũng ghi lại cuộc sống cơ cực của người dân vùng biên giới luôn bị giặc phi quấy nhiễu, thổ quan áp bức, bóc lột nặng nề. Đồng thời một số sách cổ còn phản ánh sự bất lực của quan quân triều Nguyễn, không bảo vệ được dân lành vùng biên giới.

### 3. Lời kết

Sách cổ người Dao có nhiều giá trị lịch sử. Đó còn là tiếng nói của người Dao tuy mới thiên di đến Việt Nam vài ba trăm năm nhưng đã coi Việt Nam là quê hương, Tổ quốc mình. Những bài ca thiên di không chỉ là những lời than về nỗi cực khổ trước ách áp bức bóc lột của phong kiến phương Bắc phải di cư mà còn là tiếng nói hào hùng ngợi ca tình nhân ái trên quê hương mới. Một số tín thư đã phản ánh các sự kiện lịch sử di cư, lịch sử diễn ra ở đất nước, ở vùng cao dưới lăng kính người Dao. Dù cách xa các trung tâm chính trị nhưng trái tim người Dao thế kỷ 18, 19 vẫn đập chung mạch đập của Tổ quốc Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hằng Cao (chủ biên) (2007), *Thông sử tộc Dao (Quyển thượng)*, Nxb Dân tộc, Bắc Kinh, Trung Quốc.
2. Phạm Thận Duật (2001), *Toàn tập*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
3. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
5. Tạ Kiệt (1992), “Thử bàn về ảnh hưởng sự kiện Mai Sơn thời Tổng đối với người Dao”, trong: *Dao học nghiên cứu*, tập 3, Nxb Dân tộc, Quảng Tây.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Lê Tác (2002), *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hoá, Thừa Thiên - Huế.
8. Đỗ Quang Tụ - Nguyễn Liên (2005), *Người Dao trong cộng đồng dân tộc Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
9. Trương Hữu Tuấn (1998), “Mấy vấn đề về người Dao di cư vào Việt Nam”, trong: *Sự phát triển văn hoá xã hội của người Dao: hiện tại và tương lai*, tr. 375 - 384, Hà Nội.
10. Từ Tổ Tường (2001), *Văn hóa sử Dao tộc*, Nxb Dân tộc, Văn Nam, Trung Quốc.
11. Hà Văn Viễn - Hà Văn Phụng (1973), *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, Ban Dân tộc Tuyên Quang xuất bản.
12. Trần Quốc Vượng (1963), “Qua nghiên cứu Bình Hoàng Khoán điệp thư bản về gốc tích người Dao (Mán)”, *Dân tộc*, Số 40, tr. 42 - 46.
13. Trần Quốc Vượng (1967), “Đôi điểm về lịch sử người Dao”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 95, tr. 46 - 53.